

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Từ Thanh Đào**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**.

2. Ông **Võ Hoàng Vũ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 444/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 996/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1985. Địa chỉ: đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn:* Ông **Đỗ Văn P**, sinh năm 1982. Địa chỉ: đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(*Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Đỗ Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cho đến thời gian sau bà T và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Đỗ Văn P.

- Về con chung: bà T và ông P có 03 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Minh Th (nữ), sinh ngày 27/11/2008, cháu Đỗ Hựu B (nam), sinh ngày 03/8/2016 và cháu Đỗ Hùng V (nam), sinh ngày 02/4/2020. Khi ly hôn bà T có yêu cầu được

nuôi các con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Đỗ Văn P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông P nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Đỗ Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, tuy nhiên ông P đều vắng mặt không lý do. Mặt khác, phía Bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ ngày 26 tháng 9 năm 2008. Trong quá trình chung sống, bà T nhận thấy giữa bà T và ông P phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật định nhằm tạo điều kiện để các đương sự hoá giải những mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ nhưng ông P đều vắng mặt, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Điều này chứng tỏ bà T, ông P không thật sự tha thiết với cuộc sống hôn nhân này, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T, ông P đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, đời sống chung giữa bà T và ông P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông P là phù hợp.

- Về con chung: giữa bà T và ông P có 03 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Minh Th (nữ), sinh ngày 27/11/2008, cháu Đỗ Hựu B (nam), sinh ngày 03/8/2016 và cháu Đỗ Hùng V (nam), sinh ngày 02/4/2020. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Phía ông P vắng mặt không có ý kiến về vấn đề này. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn ông Đỗ Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Nguyễn Minh Th (nữ), sinh ngày 27/11/2008, cháu Đỗ Hựu B (nam), sinh ngày 03/8/2016 và cháu Đỗ Hùng V (nam), sinh ngày 02/4/2020 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông P theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Th, B, V, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 925.000 đồng (chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: 0000670 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Bà T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND P. Long Hưng, Q. Ô Môn;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- CCTHADS Q.Ninh Kiều;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thanh Đào